

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

BẢNG GHI ĐIỂM
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: N17KDN

TÊN MÔN: BÓNG RỔ

Tin chỉ: 1

MÃ MÔN: ES 222

Học kì: 2

Ngày thi:

Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
				10%					30%	60%	100%		
1	1713219820	Cung Đình An	N17KDN1	7	6				6.0	8	7.3	Bảy phẩy Ba	
2	1713219821	Lê Đình An	N17KDN1	7	10				10.0	6	7.3	Bảy phẩy Ba	
3	1712219828	Nguyễn Văn Anh	N17KDN1	7	6				6.0	6	6.1	Sáu phẩy Một	
4	1712219829	Trần Thị Bé	N17KDN1	7	10				10.0	6	7.3	Bảy phẩy Ba	
5	1713219835	Lê Hùng Cường	N17KDN1	7	7				7.0	8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
6	1712219841	Hồ Thị Dung	N17KDN1	10	6				6.0	6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
7	1712219840	Đậu Thị Thùy Dung	N17KDN1	10	8				8.0	8	8.2	Tám phẩy Hai	
8	1712219844	Mai Thị Dương	N17KDN1	3	8				8.0	6	6.3	Sáu phẩy Ba	
9	1712219847	Cao Thị Minh Giang	N17KDN1	10	7				7.0	10	9.1	Chín phẩy Một	
10	1712219851	Lê Nguyễn Mỹ Hạnh	N17KDN1	10	6				6.0	6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
11	1713219852	Trần Hữu Hậu	N17KDN1	7	6				6.0	6	6.1	Sáu phẩy Một	
12	1712219857	Vương Thị Yến Hồng	N17KDN1	3	7				7.0	8	7.2	Bảy phẩy Hai	
13	1713219869	Nguyễn Anh Minh	N17KDN1	3	5				5.0	8	6.6	Sáu phẩy Sáu	
14	1712219877	Phạm Thị Hồng Nhung	N17KDN1	10	6				6.0	8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
15	1712219878	Nguyễn Thị Ngọc Nữ	N17KDN1	7	9				9.0	6	7.0	Bảy	
16	1713219879	Phạm Thanh Phong	N17KDN1	10	8				8.0	6	7.0	Bảy	
17	1713219889	Đinh Chí Thảo	N17KDN1	3	8				8.0	8	7.5	Bảy phẩy Năm	
18	1712219897	Phạm Thị Anh Thương	N17KDN1	10	6				6.0	8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
19	1712219900	Cao Thị Thanh Thủy	N17KDN1	7	7				7.0	6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
20	1712219903	Hồ Thị Thùy Tiên	N17KDN1	7	10				10.0	10	9.7	Chín phẩy Bảy	
21	1712219907	Nguyễn Lê Quỳnh Trang	N17KDN1	7	8				8.0	6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
22	1713219911	Nguyễn Ngọc Tú	N17KDN1	10	7				7.0	8	7.9	Bảy phẩy Chín	
23	1713219917	Nguyễn Quốc Việt	N17KDN1	1	6				6.0	8	6.7	Sáu phẩy Bảy	
24	1712219825	Trần Thị Kim Anh	N17KDN1	10	8				8.0	8	8.2	Tám phẩy Hai	
25	1712219830	Nguyễn Ngọc Bích	N17KDN1	3	10				10.0	6	6.9	Sáu phẩy Chín	
26	1713219832	Trần Minh Cang	N17KDN1	10	7				7.0	8	7.9	Bảy phẩy Chín	
27	1712219833	Ngô Thị Lan Chi	N17KDN1	10	7				7.0	6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
28	1713219842	Nguyễn Việt Dũng	N17KDN1	1	8				8.0	8	7.3	Bảy phẩy Ba	
29	1713219854	Đặng Trung Hiếu	N17KDN1	7	9				9.0	6	7.0	Bảy	
30	1713219867	Lê Vũ Lương	N17KDN1	3	6				6.0	6	5.7	Năm phẩy Bảy	
31	1713219870	Lưu Ngọc Minh	N17KDN1	7	8				8.0	8	7.9	Bảy phẩy Chín	
32	1712219873	Võ Thị Quỳnh Ngân	N17KDN1	3	9				9.0	8	7.8	Bảy phẩy Tám	
33	1712219875	Nguyễn Thị Nhi	N17KDN1	1	8				8.0	8	7.3	Bảy phẩy Ba	
34	1712219880	Phạm Thị Ánh Phúc	N17KDN1	8	8				8.0	8	8.0	Tám	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
				10%					30%	60%	100%		
35	1712219885	Lê Thị Thu Sang	N17KDN1	10	9				9.0	6	7.3	Bảy phẩy Ba	
36	1712219888	Nguyễn Thị Bích Thành	N17KDN1	1	9				9.0	8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
37	1712219890	Nguyễn Thị Nam Thảo	N17KDN1	10	9				9.0	8	8.5	Tám phẩy Năm	
38	1713219891	Võ Nguyễn Minh Thiên	N17KDN1	10	10				10.0	10	10.0	Mười	
39	1712219901	Bùi Thị Thủy	N17KDN1	3	6				6.0	8	6.9	Sáu phẩy Chín	
40	1712219902	Nguyễn Thị Thu Thủy	N17KDN1	7	8				8.0	6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
41	1712219914	Hồ Thị Ánh Tuyết	N17KDN1	7	10				10.0	6	7.3	Bảy phẩy Ba	
42	1713219919	Phan Thanh Vũ	N17KDN1	3	7				7.0	8	7.2	Bảy phẩy Hai	
43	1713219824	Nguyễn Hồng Anh	N17KDN2	7	10				10.0	6	7.3	Bảy phẩy Ba	
44	1713219837	Nguyễn Anh Đức	N17KDN2	1	8				8.0	8	7.3	Bảy phẩy Ba	
45	1713219836	Phan Minh Giác Đức	N17KDN2	10	8				8.0	6	7.0	Bảy	
46	1712219846	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	N17KDN2	5	10				10.0	6	7.1	Bảy phẩy Một	
47	1712219850	Bùi Diễm Hằng	N17KDN2	7	9				9.0	6	7.0	Bảy	
48	1713219856	Trần Nhật Hoàng	N17KDN2	10	9				9.0	10	9.7	Chín phẩy Bảy	
49	1712219859	Lê Phan Thùy Hương	N17KDN2	3	7				7.0	8	7.2	Bảy phẩy Hai	
50	1712219881	Phí Thị Minh Phương	N17KDN2	3	7				7.0	6	6.0	Sáu	
51	1713219887	Nguyễn Văn Sơn	N17KDN2	7	10				10.0	8	8.5	Tám phẩy Năm	
52	1713114743	Nguyễn Hà Công Thành	N17KDN2	5	7				7.0	6	6.2	Sáu phẩy Hai	
53	1712219892	Nguyễn Thị Kim Thoa	N17KDN2	7	5				5.0	6	5.8	Năm phẩy Tám	
54	1712219896	Nguyễn Thị Thương	N17KDN2	7	7				7.0	6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
55	1713219906	Phan Thanh Toàn	N17KDN2	10	10				10.0	10	10.0	Mười	
56	1712219908	Nguyễn Thị Trang	N17KDN2	3	6				6.0	8	6.9	Sáu phẩy Chín	
57	1713219913	Hoàng Minh Tuấn	N17KDN2	1	7				7.0	0	0.0	Không	
58	1712219916	Nguyễn Thị Thanh Vân	N17KDN2	10	10				10.0	6	7.6	Bảy phẩy Sáu	
59	1712219921	Nguyễn Thị Thảo Vy	N17KDN2	1	10				10.0	8	7.9	Bảy phẩy Chín	
60	1713219827	Trần Thế Anh	N17KDN2	7	7				7.0	6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
61	1712219831	Phạm Thị Bốn	N17KDN2	10	9				9.0	6	7.3	Bảy phẩy Ba	
62	1713219845	Trần Duy	N17KDN2	10	10				10.0	8	8.8	Tám phẩy Tám	
63	1712219848	Phạm Trần Thu Hà	N17KDN2	7	6				6.0	6	6.1	Sáu phẩy Một	
64	1712219849	Vương Mỹ Hằng	N17KDN2	3	6				6.0	0	0.0	Không	
65	1712219860	Đinh Thị Thu Hương	N17KDN2	3	9				9.0	6	6.6	Sáu phẩy Sáu	
66	1712219863	Võ Thị Mỹ Linh	N17KDN2	10	9				9.0	6	7.3	Bảy phẩy Ba	
67	1712219871	Nguyễn Thị Trúc My	N17KDN2	7	10				10.0	8	8.5	Tám phẩy Năm	
68	1712219876	Huỳnh Nguyễn Hoài Như	N17KDN2	3	8				8.0	8	7.5	Bảy phẩy Năm	
69	1713219884	Lê Viết Hoàn Sang	N17KDN2	3	8				8.0	6	6.3	Sáu phẩy Ba	
70	1712219894	Võ Thị Hoài Thu	N17KDN2	7	7				7.0	6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
71	1712219898	Đậu Thị Thu Thúy	N17KDN2	10	10				10.0	6	7.6	Bảy phẩy Sáu	
72	1712219899	Trần Thị Thùy	N17KDN2	3	9				9.0	8	7.8	Bảy phẩy Tám	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
				10%					30%	60%	100%		
73	1712219904	Trần Lê Thủy Tiên	N17KDN2	7	9				9.0	6	7.0	Bảy	
74	1713219905	Nguyễn Tấn Toàn	N17KDN2	10	9				9.0	6	7.3	Bảy phẩy Ba	
75	1713219909	Lê Quang Trí	N17KDN2	3	7				7.0	8	7.2	Bảy phẩy Hai	
76	1713219912	Nguyễn Lê Anh Tú	N17KDN2	7	10				10.0	6	7.3	Bảy phẩy Ba	
77	1713219918	Phạm Thanh Việt	N17KDN2	1	8				8.0	8	7.3	Bảy phẩy Ba	
78	1713219922	Phan Nhật Vỹ	N17KDN2	7	8				8.0	6	6.7	Sáu phẩy Bảy	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt:	76	97%	
2	Số sinh viên nợ:	2	3%	
TỔNG CỘNG :		78	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC TT GDTC&QP
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 08 năm 2013
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

guyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Hữu Phú